

Số: 260 /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 13 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Trung Kênh,
huyện Lương Tài đến năm 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 về việc phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 17/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 2/3/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lương Tài đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ văn bản số 51/TB-UBND ngày 25/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thông báo kết luận tại phiên họp giao ban Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

Xét đề nghị tại các Tờ trình: Số 102/TTr-UBND ngày 25/11/2021 và số 36^a/TTr-UBND ngày 27/4/2022 của UBND huyện Lương Tài về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt Nhiệm vụ QHC đô thị Trung Kênh kèm theo hồ sơ Nhiệm vụ quy hoạch do Viện Quy hoạch, Kiến trúc Bắc Ninh lập và Báo cáo thẩm định số 135/BCTĐ-SXD ngày 27/5/2022 của Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Trung Kênh (sau đây viết tắt là Nhiệm vụ QHC đô thị Trung Kênh), huyện Lương Tài đến năm 2035 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Những yêu cầu nghiên cứu quy hoạch

1.1. Phạm vi lập, ranh giới, quy mô quy hoạch

a) Phạm vi lập, ranh giới quy hoạch: Phạm vi lập quy hoạch gồm toàn bộ ranh giới hành chính xã Trung Khê, cụ thể như sau: Phía đông giáp sông Thái Bình; phía tây giáp xã An Thịnh, xã Mỹ Hương và xã Lai Hạ; phía nam xã Lai Hạ; phía bắc giáp xã An Thịnh.

b) Quy mô quy hoạch:

- Tổng diện tích khoảng 704,3 ha.

- Quy mô dân số:

+ Dân số hiện trạng: Khoảng 9.624 người.

+ Dân số dự báo đến năm 2025 khoảng 10.950 người, đến năm 2035 khoảng 14.280 người (quy mô dân số sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập đồ án quy hoạch).

2. Mục tiêu quy hoạch: QHC đô thị Trung Khê, huyện Lương Tài đáp ứng các tiêu chí đô thị loại V, làm cơ sở đầu tư xây dựng, nâng cấp đô thị theo Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 về việc phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030, tiêu chuẩn thị trấn theo quy định của Nghị quyết 1210/16/UBTVQH13 và 1211/16/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Tính chất quy hoạch: Là đô thị dịch vụ, thương mại cửa ngõ phía đông của huyện Lương Tài.

4. Những yêu cầu về nội dung trong đồ án quy hoạch chung: Yêu cầu cập nhật các nội dung về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, các khu chức năng, khu vực phát triển đô thị theo QHV tỉnh Bắc Ninh, QHV huyện Lương Tài và định hướng Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021 – 2030; chỉ tiêu quy hoạch yêu cầu đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD, chỉ tiêu đất dân dụng bình quân toàn đô thị đảm bảo từ 70 – 100m²/người, chỉ tiêu đất đơn vị ở bình quân toàn đô thị từ 45 – 55m²/người, đảm bảo tiêu chuẩn thị trấn và tiêu chí đô thị loại V theo Nghị quyết 1210/16/UBTVQH13 và 1211/16/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4.1. Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội; dân số, lao động; sử dụng đất đai; hiện trạng về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng xã hội, môi trường của đô thị.

4.2. Xác định mục tiêu, tiềm năng, động lực phát triển (trong đó khai thác hiệu quả quỹ đất nông nghiệp dọc sông Thái Bình gắn với phát triển các di tích lịch sử văn hóa và cảng dịch vụ đường thủy); tính chất, quy mô dân số, lao động, quy mô đất xây dựng đô thị theo các chỉ tiêu đã xác định tại đồ án QHV tỉnh Bắc Ninh và QHV huyện Lương Tài được phê duyệt; các chỉ tiêu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo các giai đoạn phát triển. Làm rõ và giải quyết các vấn đề về hạ tầng đô thị đáp ứng tiêu chí đô thị loại V, các vấn đề về giải quyết việc làm gắn với tỷ lệ lao động phi nông nghiệp, giải quyết các vấn đề về nhà ở (trong đó chú trọng đến cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư, làng xóm hiện trạng nhằm bổ sung kịp thời các công trình công cộng, văn hóa, thể thao và hạ tầng kỹ thuật cần thiết gắn với bảo tồn nét văn hóa truyền thống, đặc trưng của vùng).

4.3. Dự kiến sử dụng đất của đô thị theo từng giai đoạn quy hoạch gắn với mục tiêu, tiêu chí và lộ trình nâng cấp trở thành đô thị loại V và đáp ứng tiêu chuẩn của thị trấn.

4.4. Định hướng phát triển không gian đô thị, bao gồm:

a) Hướng phát triển đô thị.

b) Xác định phạm vi, quy mô các khu chức năng của đô thị: Khu chính trang, cải tạo, khu bảo tồn, khu phát triển mới, khu cấm xây dựng, các khu dự trữ phát triển.

c) Xác định chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, định hướng phát triển đối với từng khu chức năng.

d) Xác định trung tâm hành chính, trung tâm thương mại, dịch vụ, trung tâm công cộng, công viên cây xanh và không gian mở của đô thị.

đ) Định hướng tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan cho các khu chức năng của đô thị, trục không gian chính.

4.5. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, bao gồm:

a) Đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất phát triển đô thị; xác định cốt xây dựng cho toàn đô thị và từng khu vực.

b) Xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đô thị, vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao thông; xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính đô thị và hệ thống tuynel kỹ thuật.

c) Xác định nhu cầu và nguồn cung cấp nước, năng lượng; tổng lượng nước thải, rác thải; vị trí, quy mô, công suất các công trình đầu mối và mạng lưới truyền tải, phân phối của hệ thống cấp nước, năng lượng và chiếu sáng đô thị, thông tin liên lạc, thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý chất thải rắn, nghĩa trang và các công trình khác.

4.6. Đánh giá môi trường chiến lược:

a) Đánh giá hiện trạng:

- Về môi trường tự nhiên đô thị về điều kiện khí tượng thủy văn, hệ sinh thái, địa chất, xói mòn đất; khai thác và sử dụng tài nguyên, thay đổi khí hậu;

- Về chất lượng nguồn nước, không khí, chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn.

- Về các vấn đề dân cư, xã hội, văn hóa và di sản.

b) Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường đô thị; đề xuất hệ thống tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp về định hướng phát triển không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu.

c) Đề ra các giải pháp tổng thể phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục tác động và rủi ro đối với dân cư; hệ sinh thái tự nhiên; nguồn nước, không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị.

d) Lập chương trình, kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

4.7. Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện: Luận cứ xác định danh Mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch; đề xuất, kiến nghị nguồn lực thực hiện.

4.8. Đề xuất Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đảm bảo các nội dung sau:

a) Chỉ tiêu về diện tích, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất và chiều cao tối đa, tối thiểu của công trình trong từng khu chức năng đô thị.

b) Việc kiểm soát không gian, kiến trúc các khu vực trong đô thị.

c) Chỉ giới đường đỏ của các tuyến phố chính, cốt xây dựng khống chế của đô thị.

d) Vị trí, quy mô và phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với công trình ngầm.

đ) Khu vực cấm xây dựng; phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật; biện pháp bảo vệ môi trường.

e) Khu vực bảo tồn, tôn tạo công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh, địa hình cảnh quan trong đô thị.

5. Hồ sơ sản phẩm: Thành phần hồ sơ sản phẩm thực hiện theo Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù.

6. Tổ chức thực hiện

- Thời gian thực hiện quy hoạch: Không quá 12 tháng kể từ khi Nhiệm vụ quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt.

- Cơ quan thực hiện:

+ Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Bắc Ninh.

+ Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng.

+ Cơ quan tổ chức lập: UBND huyện Lương Tài.

Điều 2. UBND huyện Lương Tài căn cứ Nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định này tổ chức lập đồ án quy hoạch theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; UBND huyện Lương Tài và các tổ chức, cơ quan có liên quan căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận: *See*

- Như Điều 3;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: TNMT, LĐVP;
- Lưu: VT, XDCB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Quang Khải
Đào Quang Khải